TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Nhanh.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1988 - Hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh A. Tạm trú: Ấp B2, xã Đ, huyện H, tỉnh A. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Thi Hoài L - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh A. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Thi Hoài L cưới nhau vào ngày 29/11/2008 và có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đệ, tỉnh A. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông L còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà và ông L ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Thi Hoài L.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Thi Nguyễn Khánh D, sinh ngày 23/9/2009 và Thi Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/4/2016, hiện hai con chung đang sống với ông L. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Thi Hoài L vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Thi Hoài L có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Thi Hoài L được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án số 87/TB-TLVA ngày 07/5/2018, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 118/TB-TA ngày 07/5/2018 nhưng ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thi Hoài L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của bà H theo khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Bà H và ông L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh A. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận định: Bà H và ông L không ai cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông L còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Qua lời trình bày của bà H Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã

sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay và tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mối quan hệ vợ chồng chấm dứt từ khi ly thân. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà H, Hội đồng xét xử nhận định; cháu Thi Nguyễn Khánh D, sinh ngày 23/9/2009 hiện đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với bà H; cháu Thi Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/4/2016, hiện dưới 36 tháng tuổi, bà H và ông L không thể hiện được việc thỏa thuận nuôi cháu T sau khi ly hôn nên giao con chung Thi Nguyễn Phương T và Thi Nguyễn Khánh D cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Xét việc bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Thi Hoài L.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Thi Nguyễn Khánh D, sinh ngày 23/9/2009 (theo nguyện vọng con chung) và Thi Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/4/2016, hiện hai con chung đang sống với ông L. Ông Thi Hoài L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà H và ông L có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008298 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Đ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Văn Triến